TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **---------- ---------**

Bản án số: **88**/2018/HSST
Ngày: 12/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Anh Đoàn**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Trương Trung Quỳnh**

2. Ông Vũ Anh Đối

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Tô Thu Thủy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/HSST ngày 17/5/2018 đối với bị cáo:

TRẦN MINH H , sinh năm 1987; Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần Văn Tr, con bà Phạm Thị T; có vợ là Lục Thị Thị Như H2, có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Ngày 17/7/2007, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 4 năm tù về tội " Cướp tài sản" (án số 227/2007/HSST), Ngày 17/4/2015, Công an quận H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "xâm hại sức khỏe người khác" (Danh chỉ bản số 0129 lập ngày 12/3/2018 tại Công an huyện Thanh Trì). Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/3/2018, tạm giam từ ngày 12/3/2018, hiện đang tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962 - vắng mặt tại phiên tòa

Trú tại: Xóm 10, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội

2. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1962 - vắng mặt tại phiên tòa

Trú tại: xã B, huyện B2, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh H, Phạm Ngọc Th (sinh 1986), Phạm Văn S (sinh 1977), Đặng Xuân Đ (sinh 1997) đều là người cùng thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/05/2017, khi ngồi uống nước với nhau, Phạm Văn S nói với Phạm Văn T3 về việc ô tô chở đất vào khu bãi thuộc xã Y, huyện T (giáp với thôn Đ, xã D) gây tiếng ồn và bụi ảnh hưởng đến khu vực th«n § n¬i mà S, T3 đang sinh sống. T3 nêu ý kiến với S về việc đốt căn lều mµ ông Nguyễn Đức T2 ®ang ë ®Ó bảo vệ trang trại thuộc xã Y của ông Nguyễn Văn Kvà chỉ dÉn cho xe ô tô vào đổ đất tại bãi trong trang tr¹i cña «ng K. S nói nếu T3 đốt sẽ cho T3 500.000 đồng, T3 đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, T3 rủ Đặng Xuân Đ, Trần Minh H đi đốt căn lều thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Đức T2; T3 có kể chuyện S hứa sẽ cho 500.000 đồng nếu đốt lều. H và Đ đều đồng ý. T3 đi lấy đèn pin đưa cho H. Ph¸t hiÖn anh Phạm Văn Q (sinh năm 1989, là người cùng xã D) đang đi xe máy đến, T3 nhặt 01 chiếc vỏ chai nhựa đến chỗ anh Q hỏi xin 01 chai xăng. Anh Q đồng ý và lấy xăng ở xe cho T3. Sau đó, T3, Đ, H đi bộ đến căn lều bảo vệ trang trại của ông Nguyễn Đức T2. Thấy trong lều có ông T2, H quát đuổi ông T2 ra ngoài rồi cầm đèn pin soi cho Đ cầm chai xăng tưới vào lều, T3 cầm bật lửa châm đốt căn lều. Sau khi căn lều cháy, T3, Đ, H bỏ đi.

Tối ngày 29/5/2017, T3 thông báo cho S biết việc đã đốt căn lều. S đã đưa 500.000 đồng cho T3. Do trước ®ã, H đã bá tiÒn để ăn tiêu nên T3 đưa số tiền này cho H.

Tài sản của ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Đức T2 bị thiệt hại gồm có: 01 chiếc bạt da, 01 chiếc bạt dứa, 180 chiếc phên nứa, 160 cây tre hóp, 02 chiếc bàn gỗ, 02 chiếc quạt điện và một số vật dụng khác.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 167 ngày 19/6/2017, Hội đồng định giá luận giá trị tài sản bị thiệt hại như sau: 02 quạt điện cơ trị giá 300.000 đồng; 02 chảo inox là 100.000 đồng; 02 nồi cơm điện là 200.000 đồng; 02 bàn nhựa là 100.000 đồng; 01ấm đun siêu tốc là 50.000 đồng; 06 ghế nhựa là 120.000 đồng; 01 bạt dứa là 1.300.000 đồng; 02 bàn gỗ là 1.000.000 đồng; 01 bạt da là 3.500.000 đồng; 04 bình nước lọc là 100.000 đồng; 180 phên nứa là 2.340.000 đồng; 01 giá đựng bát inox là 200.000 đồng; 160 cây tre hóp đá là 3.040.000 đồng; 03 đèn pin là 90.000 đồng; 01 bếp hồng ngoại là 200.000 đồng; 02 chăn bông là 100.000 đồng; 02 xoong inox là 100.000 đồng; 02 chiếu cói là 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 12.900.000 đồng.

Quá trình cơ quan Công an đang điều tra, Trần Minh H đã bỏ trốn.

Ngày 29/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xét xử đối với Phạm Ngọc T3, Đặng Xuân Đ, Phạm Văn S về tội hủy hoại tài sản theo khoản 2 Điều 143 BLHS năm 1999.

Ngày 09/3/2018, H bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên .

Đối với anh Phạm Văn Q - khi cho T3 xăng, không biết T3 dùng số xăng này để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý.

Về dân sự: Phạm Văn S cùng với T3, Đ, H tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T2 số tiền 12.900.000 đồng. Ông K và T2 đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Ông K xin giảm nhẹ hình phạt đối với H.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT - VKS ngày 17/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố Trần Minh H về tội "Hủy hoại tài sản" theo điểm b khoản 2, Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận tội danh mà Viện kiểm sát truy tố là đúng. Bị cáo đề nghị Toà khoan hồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS đối với bị cáo Trần Minh H; xử phạt bị cáo 24 tháng tù**;** không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; do tại bản án số 198/2017/HSST ngày 29/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xét xử, quyết định hình phạt đối với Phạm Ngọc T3, Đặng Xuân Đ, Phạm Văn S đồng thời xử lý giải quyết về các vấn đề khác như bồi thường dân sự (hiện tại ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T2 không có yêu cầu gì về dân sự), số tiền do phạm tội mà có...nên tại bản án này Tòa không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai tại phiên toà; phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng, lời khai của người bị hại. Có đủ cơ sở kết luận: ngày 28/5/2017, tại xã Y, huyện T, Trần Minh H đã cùng với người khác dùng xăng đốt cháy căn lều và các tài sản trong lều thuộc sở hữu ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T2, gây thiệt hại về tài sản có tổng giá trị là 12.900.000 đồng. Trần Minh H đã phạm tội "Hủy hoại tài sản" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999 (với tình tiết định khung là "dùng chất cháy"). Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo theo tội danh và điều, khoản, bộ luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội. Để đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của người khác, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự .

Về nhân thân: Bị cáo đã có 01 tiền án, 01 tiền sự; mặc dù tiền án đã được xóa, tiền sự đã hết thời hiệu nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được pháp luật cải tạo, giáo dục mà không chịu sửa chữa. Để trừng trị đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết: bị cáo đã cùng với những người thực hiện hành vi hủy hoại tài sản tự nguyện bồi thường thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo là gia đình liệt sĩ (bị cáo có ông ngoại (ông Phạm Văn T4) là liệt sỹ thời kỳ chồng Mỹ); người bị hại (ông Nguyễn Văn K) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không giữ vai trò chính trong vụ án, do đó có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Trong vụ án có Phạm Ngọc T3, Đặng Xuân Đ, Phạm Văn S có hành vi phạm tội hủy hoại tài sản, tại bản án số 198/2017/HSST ngày 29/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xét xử, quyết định hình phạt đối với những người này, đồng thời xử lý giải quyết về các vấn đề khác như bồi thường dân sự (hiện tại ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T2 không có yêu cầu gì về dân sự), số tiền do phạm tội mà có...nên tại bản án này Tòa không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại được kháng cáo bản án theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hải.

Xử phạt: Trần Minh H 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/3/2018.

Về án phí, căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, căn cứ các điều 331,332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa